

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014*  
*đã được kiểm toán*

## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 – 3</b>
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>4</b>
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	<b>5 – 28</b>
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 28



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103011189 ngày 30 tháng 3 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 02 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 19.933.930.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống và các dịch vụ giải trí; Kinh doanh các dịch vụ du lịch khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Vận chuyển khách du lịch;
- Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa;
- Kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu tổng hợp;
- Cho thuê nhà, văn phòng, kho bãi, phương tiện vận tải, thiết bị chuyên dùng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh thiết bị máy móc, lắp đặt và chuyên giao công nghệ các dây chuyền sản xuất;
- Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo hợp đồng, liên tỉnh, taxi.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 16A Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 28).

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Đỗ Hiến	Chủ tịch	
Bà Cao Thị Tạo	Ủy viên	
Ông Lê Văn Hồng	Ủy viên	
Ông Trần Đức Tuấn	Ủy viên	
Ông Nguyễn Đức Trung	Ủy viên	
Ông Nguyễn Chí Thành	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 7 năm 2014
Bà Trịnh Thị Nga	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 11 năm 2014

### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Trưởng phòng Kinh tế tài chính trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Đỗ Hiến	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Cường	Trưởng phòng Kinh tế Tài chính

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

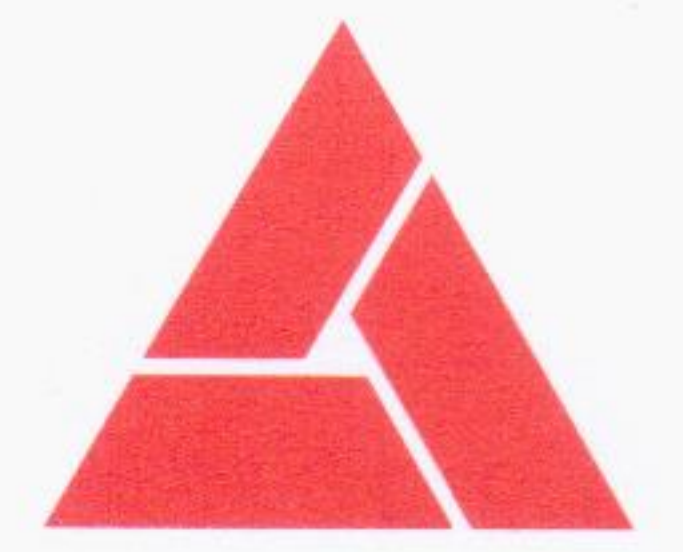
Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2015

**TM. Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**



**Đỗ Hiến**

203  
HÀNH  
GT  
VỤ  
KINH  
KIỂM  
AM  
ẢY



Số: 14./2015/BCKT-AASCN

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
 CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư, được lập ngày 06 tháng 02 năm 2015, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2015

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
 Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**



**Phó Giám đốc**

**Bùi Ngọc Hà**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

**Kiểm toán viên**

**Bùi Thị Ngọc Lân**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2013-152-1

626  
 ANH  
 TN  
 TUV  
 KẾT  
 TOÁN  
 VIỆT  
 TP

**Headquarters**

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City  
 Tel: (84-08) 3910 4881 \*Fax: (84-08) 3910 4880  
 Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

**Branch in Hanoi**

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi  
 Tel: (84-04) 3793 1428 \*Fax: (84-04) 3793 1429  
 Email: admin@namviethn.vn

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>12.661.784.046</b>	<b>14.175.581.845</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>4.503.085.679</b>	<b>7.432.395.167</b>
1.	Tiền	111	V.01	403.085.679	432.395.167
2.	Các khoản tương đương tiền	112		4.100.000.000	7.000.000.000
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>189.277.537</b>	<b>239.005.038</b>
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		189.277.537	239.005.038
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.791.810.334</b>	<b>5.538.158.004</b>
1.	Phải thu khách hàng	131		3.848.148.577	3.458.498.602
2.	Trả trước cho người bán	132		631.866.370	1.553.350.000
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.03	699.482.999	918.997.014
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(387.687.612)	(392.687.612)
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>2.179.073.955</b>	<b>85.571.829</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.04	2.179.073.955	85.571.829
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>998.536.542</b>	<b>880.451.807</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		46.755.930	40.797.935
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		367.328	343.486
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	60.508.284	1.965.386
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	890.905.000	837.345.000

C  
H  
A  
N  
H  
A  
I  
B  
A  
T  
R  
U  
C  
H  
A  
N  
H  
A  
I  
B  
A  
T  
R  
U  
C

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ**

16A Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>12.175.896.207</b>	<b>12.280.936.627</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>11.735.391.784</b>	<b>11.650.265.758</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	11.405.936.420	11.400.949.394
	- Nguyên giá	222		23.442.855.732	22.451.050.732
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(12.036.919.312)	(11.050.101.338)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	329.455.364	249.316.364
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>440.504.423</b>	<b>630.670.869</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	158.229.816	349.600.192
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.10	282.274.607	281.070.677
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>24.837.680.253</b>	<b>26.456.518.472</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ**

16A Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.294.818.877</b>	<b>2.845.190.372</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.988.224.939</b>	<b>2.598.280.373</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2.	Phải trả người bán	312		747.086.850	736.391.850
3.	Người mua trả tiền trước	313		81.584.257	182.346.353
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	297.909.843	715.905.882
5.	Phải trả người lao động	315		212.362.262	185.511.302
6.	Chi phí phải trả	316	V.12	152.064.484	323.510.182
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	476.139.075	268.237.528
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		21.078.168	186.377.277
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>306.593.938</b>	<b>246.909.999</b>
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		179.200.000	101.000.000
4.	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		127.393.938	145.909.999
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>22.542.861.376</b>	<b>23.611.328.100</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14</b>	<b>22.542.861.376</b>	<b>23.611.328.100</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		19.933.930.000	19.933.930.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		1.078.739.680	1.078.739.680
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		883.154.810	883.154.810
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		647.036.886	1.715.503.610
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>24.837.680.253</b>	<b>26.456.518.472</b>



**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại			
	USD		106,11	142,33
	EUR		-	-
	JPY		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

Trưởng phòng Kinh tế tài chính

Tổng Giám đốc



**Đinh Thúy Hoa**



**Nguyễn Huy Cường**



**Đỗ Hiến**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01	VI.01	17.358.842.621	20.235.540.566
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10		17.358.842.621	20.235.540.566
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	12.236.521.803	14.745.212.376
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		5.122.320.818	5.490.328.190
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	326.075.195	611.416.869
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	10.654.889	7.059.162
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8.	Chi phí bán hàng	24		2.634.930.790	2.536.252.647
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.142.771.156	1.742.381.954
10.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		660.039.178	1.816.051.296
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	245.194.179	979.082.138
12.	Chi phí khác	32	VI.06	47.491.272	493.088.566
13.	<b>Lợi nhuận khác</b>	40		197.702.907	485.993.572
14.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		857.742.085	2.302.044.868
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	210.615.199	586.451.258
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	60		647.126.886	1.715.593.610
18.	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	70	VI.08	325	861

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

Trưởng phòng Kinh tế tài chính

Tổng Giám đốc





Đinh Thúy Hoa

Nguyễn Huy Cường

Đỗ Hiến

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		857.742.085	2.302.044.868
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		1.324.886.702	1.385.089.268
-	Các khoản dự phòng	03		(5.000.000)	(22.083.405)
-	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		10.654.889	7.059.162
-	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(469.493.014)	(1.018.524.212)
-	Chi phí lãi vay	06		-	-
3.	<i>Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		1.718.790.662	2.653.585.681
-	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		616.375.566	(2.574.303.547)
-	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(2.093.502.126)	1.826.648.880
-	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(211.485.682)	(876.783.206)
-	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		185.412.381	(16.277.641)
-	Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(442.145.515)	(546.253.464)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		102.000.000	20.580.000
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(337.448.319)	(211.900.500)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(462.003.033)	275.296.202
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.457.504.000)	(661.089.091)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		190.909.091	900.000.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		49.727.501	60.994.962
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		348.920.560	566.391.035
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(867.946.848)	866.296.906

20  
 H N  
 G T  
 I V U  
 I N H  
 K I E U  
 A M  
 4 Y

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ**  
 16A Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.599.399.718)	(1.443.558.631)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.599.399.718)</b>	<b>(1.443.558.631)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(2.929.349.599)</b>	<b>(301.965.523)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>7.432.395.167</b>	<b>7.734.320.852</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		40.111	39.838
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>4.503.085.679</b>	<b>7.432.395.167</b>

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

Trưởng phòng Kinh tế tài chính

Tổng Giám đốc



Đinh Thúy Hoa



Nguyễn Huy Cường



Đỗ Hiến

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2014**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Thương mại và dịch vụ.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống và các dịch vụ giải trí; Kinh doanh các dịch vụ du lịch khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Vận chuyển khách du lịch; Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa;
- Kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu tổng hợp;
- Cho thuê nhà, văn phòng, kho bãi, phương tiện vận tải, thiết bị chuyên dùng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh thiết bị máy móc, lắp đặt và chuyển giao công nghệ các dây chuyền sản xuất;
- Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo hợp đồng, liên tỉnh, taxi.

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

**02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

**03. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

20  
NH  
TN  
SV  
TI  
OÁ  
T  
P

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm kế toán.

##### **02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

##### **03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

###### ***Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình***

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

###### ***Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình***

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	6 – 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 10 năm
- TSCĐ hữu hình khác	5 năm

**04. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

**05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh là giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ;

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

**06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**07. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

**08. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

*Đơn vị tính: VND*

**01. Tiền**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Tiền mặt	77.261.887	217.834.417
- Tiền gửi ngân hàng	325.823.792	214.560.750
- Tiền đang chuyển	-	-
<b>Cộng</b>	<b>403.085.679</b>	<b>432.395.167</b>

**02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Đầu tư ngắn hạn khác	189.277.537	239.005.038
+ Công ty TNHH Vinh Hoàng Phát (*)	189.277.537	239.005.038
<b>Cộng</b>	<b>189.277.537</b>	<b>239.005.038</b>

(\*): Là khoản đầu tư hợp tác kinh doanh ván sàn gỗ Hương Lào.

**03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Phải thu khác	699.482.999	918.997.014
+Lãi dự thu	22.180.469	45.025.834
+Khác	677.302.530	873.971.180
<b>Cộng</b>	<b>699.482.999</b>	<b>918.997.014</b>



Đơn vị tính: VND

**04. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	9.281.197	9.333.736
- Hàng hoá	2.169.792.758	76.238.093
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b><u>2.179.073.955</u></b>	<b><u>85.571.829</u></b>

**05. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế GTGT đầu ra nộp thừa	58.542.709	-
- Thuế xuất, nhập khẩu nộp thừa	1.965.575	1.965.386
<b>Cộng</b>	<b><u>60.508.284</u></b>	<b><u>1.965.386</u></b>

**06. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
- Tạm ứng	890.905.000	837.345.000
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>890.905.000</u></b>	<b><u>837.345.000</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ**  
 16A Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>15.173.401.215</b>	<b>971.623.888</b>	<b>6.243.016.629</b>	<b>63.009.000</b>	<b>22.451.050.732</b>
- Mua trong năm	1.377.365.000	-	-	-	1.377.365.000
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(385.560.000)	-	(385.560.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>16.550.766.215</b>	<b>971.623.888</b>	<b>5.857.456.629</b>	<b>63.009.000</b>	<b>23.442.855.732</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>7.546.337.950</b>	<b>500.383.791</b>	<b>2.961.992.080</b>	<b>41.387.517</b>	<b>11.050.101.338</b>
- Khấu hao trong năm	624.702.051	100.201.863	588.426.992	11.555.796	1.324.886.702
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(338.068.728)	-	(338.068.728)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>8.171.040.001</b>	<b>600.585.654</b>	<b>3.212.350.344</b>	<b>52.943.313</b>	<b>12.036.919.312</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>7.627.063.265</b>	<b>471.240.097</b>	<b>3.281.024.549</b>	<b>21.621.483</b>	<b>11.400.949.394</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>8.379.726.214</b>	<b>371.038.234</b>	<b>2.645.106.285</b>	<b>10.065.687</b>	<b>11.405.936.420</b>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 4.511.047.167 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ**  
 16A Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Số đầu năm
- Công trình xử lý nước thải nhà hàng Hương Dương	102.866.273	22.727.273
- Công trình nâng cấp khách sạn Hương Dương lên 6 tầng	226.589.091	226.589.091
<b>Cộng</b>	<b>329.455.364</b>	<b>249.316.364</b>

**09. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	158.229.816	349.600.192
<b>Cộng</b>	<b>158.229.816</b>	<b>349.600.192</b>

**10. Tài sản dài hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	282.274.607	281.070.677
- Tài sản dài hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>282.274.607</b>	<b>281.070.677</b>

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng bán ra trong nước	-	145.260.397
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	70.068.118	301.598.434
- Thuế thu nhập cá nhân	98.304.925	46.124.551
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	129.536.800	222.922.500
- Các loại thuế khác	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>297.909.843</b>	<b>715.905.882</b>

**12. Chi phí phải trả**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí sản xuất kinh doanh các bộ phận nhận khoán	152.064.484	269.492.000
- Khác	-	54.018.182
<b>Cộng</b>	<b>152.064.484</b>	<b>323.510.182</b>

**13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	54.598.567	26.020.557
- Bảo hiểm thất nghiệp	208.770.235	149.234.250
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	212.770.273	92.982.721
+ Cổ tức phải trả	95.231.333	79.982.721
+ Phải trả khác	117.538.940	13.000.000
<b>Cộng</b>	<b>476.139.075</b>	<b>268.237.528</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ**  
 16A Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

*Đơn vị tính: VND*

**14. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>19.933.930.000</b>	<b>1.078.739.680</b>	<b>699.093.077</b>	<b>1.841.150.893</b>	<b>23.552.913.650</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	1.715.593.610	1.715.593.610
Tăng khác	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	184.061.733	(1.841.240.893)	(1.657.179.160)
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>19.933.930.000</b>	<b>1.078.739.680</b>	<b>883.154.810</b>	<b>1.715.503.610</b>	<b>23.611.328.100</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>19.933.930.000</b>	<b>1.078.739.680</b>	<b>883.154.810</b>	<b>1.715.503.610</b>	<b>23.611.328.100</b>
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	647.126.886	647.126.886
Tăng khác	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(1.715.593.610)	(1.715.593.610)
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>19.933.930.000</b>	<b>1.078.739.680</b>	<b>883.154.810</b>	<b>647.036.886</b>	<b>22.542.861.376</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ**  
 16A Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn góp của Nhà nước	-	10.720.020.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	19.933.930.000	9.213.910.000
<b>Cộng</b>	<b>19.933.930.000</b>	<b>19.933.930.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	19.933.930.000	19.933.930.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	19.933.930.000	19.933.930.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.614.648.330	1.473.117.427

**d. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.993.393	1.993.393
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.993.393	1.993.393
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.993.393	1.993.393
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.993.393	1.993.393
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.993.393	1.993.393
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	3.339.181.828	5.277.272.704
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.000.705.485	12.280.758.247
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	3.018.955.308	2.677.509.615
<b>Cộng</b>	<b>17.358.842.621</b>	<b>20.235.540.566</b>

Đơn vị tính: VND

**02. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.160.367.062	4.778.040.085
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp và kinh doanh bất động sản	9.076.154.741	9.967.172.291
<b>Cộng</b>	<b><u>12.236.521.803</u></b>	<b><u>14.745.212.376</u></b>

**03. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	326.075.195	611.416.869
<b>Cộng</b>	<b><u>326.075.195</u></b>	<b><u>611.416.869</u></b>

**04. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.654.889	7.059.162
<b>Cộng</b>	<b><u>10.654.889</u></b>	<b><u>7.059.162</u></b>

**05. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu thanh lý tài sản cố định	190.909.091	900.000.000
- Thu phạt vi phạm hợp đồng	42.060.000	7.932.726
- Thu nhập khác	12.225.088	71.149.412
<b>Cộng</b>	<b><u>245.194.179</u></b>	<b><u>979.082.138</u></b>

**06. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	47.491.272	492.892.657
- Chi phí khác	-	195.909
<b>Cộng</b>	<b><u>47.491.272</u></b>	<b><u>493.088.566</u></b>

**07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	210.615.199	586.451.258
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>210.615.199</u></b>	<b><u>586.451.258</u></b>

Đơn vị tính: VND

**Chi tiết cách xác định Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Năm nay</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	857.742.085
Các khoản điều chỉnh tăng	99.639.838
Các khoản chi phí không được trừ	99.600.000
Điều chỉnh tăng khác	39.838
Các khoản điều chỉnh giảm	40.111
Lãi CLTG do đánh giá lại cuối năm của tiền gửi ngân hàng	40.111
Thu nhập tính thuế TNDN	957.341.812
Thuế suất thuế TNDN	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>210.615.199</b>

**08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	647.126.886	1.715.593.610
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	647.126.886	1.715.593.610
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.993.393	1.993.393
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>325</b>	<b>861</b>

**09. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	339.049.765	325.560.851
- Chi phí nhân công	5.225.515.163	4.680.627.165
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.324.886.702	1.385.089.268
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.402.008.813	5.794.524.812
- Chi phí khác bằng tiền	3.562.396.244	2.060.004.796
<b>Cộng</b>	<b>13.853.856.687</b>	<b>14.245.806.892</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có thông tin.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Đơn vị tính: VND

## 02. Giao dịch với các bên liên quan

### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương	279.297.782	266.911.656
Phụ cấp	208.581.650	69.900.000
<b>Cộng</b>	<b><u>487.879.432</u></b>	<b><u>336.811.656</u></b>

## 03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

### *Lĩnh vực kinh doanh:*

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Hoạt động kinh doanh dịch vụ và vận chuyển khách (bao gồm cả hoạt động kinh doanh bất động sản);
- Hoạt động kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch;
- Hoạt động kinh doanh thương mại xuất nhập khẩu.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ**  
 16A Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<b>Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ và vận chuyển khách</b>	<b>Lĩnh vực kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch</b>	<b>Lĩnh vực kinh doanh thương mại xuất nhập khẩu</b>	<b>Hoạt động khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm nay</b>					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	5.845.696.854	6.430.701.308	4.928.494.643	153.949.816	17.358.842.621
- Chi phí phân bổ	3.888.493.414	6.112.804.674	4.880.809.395	1.816.695.960	16.698.803.443
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	1.957.203.440	317.896.634	47.685.248	(1.662.746.144)	660.039.178
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	490.823.423	539.942.269	413.812.189	12.926.119	1.457.504.000
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	529.683.178	582.690.891	446.574.766	13.949.514	1.572.898.349
<b>Số cuối năm</b>					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	3.700.991.278	5.693.635.240	3.883.355.806	3.628.999.550	16.906.981.875
- Tài sản không phân bổ					7.930.698.379
<b>Tổng tài sản</b>	<b>3.700.991.278</b>	<b>5.693.635.240</b>	<b>3.883.355.806</b>	<b>3.628.999.550</b>	<b>24.837.680.253</b>
- Nợ phải trả bộ phận	403.757.083	258.951.170	829.004.892	7.978.645	1.499.691.791
- Nợ phải trả không phân bổ					795.127.086
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>403.757.083</b>	<b>258.951.170</b>	<b>829.004.892</b>	<b>7.978.645</b>	<b>2.294.818.877</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ**  
 16A Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ và vận chuyển khách</b>	<b>Lĩnh vực kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch</b>	<b>Lĩnh vực kinh doanh thương mại xuất nhập khẩu</b>	<b>Hoạt động khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm trước</b>					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	6.201.340.947	5.539.244.147	8.418.717.461	76.238.011	20.235.540.566
- Chi phí phân bổ	4.962.880.905	4.741.955.047	8.069.157.142	645.496.176	18.419.489.270
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	1.238.460.042	797.289.100	349.560.319	(569.258.165)	1.816.051.296
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	277.852.575	248.187.168	377.202.664	3.415.862	906.658.269
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	965.316.357	244.520.388	-	175.252.523	1.385.089.268
<b>Số đầu năm</b>					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	9.300.895.621	5.269.008.904	3.825.684.614	20.577.751	18.416.166.890
- Tài sản không phân bổ					8.040.351.582
<b>Tổng tài sản</b>	<b>9.300.895.621</b>	<b>5.269.008.904</b>	<b>3.825.684.614</b>	<b>20.577.751</b>	<b>26.456.518.472</b>
- Nợ phải trả bộ phận	724.439.501	840.271.990	785.390.847	7.112.323	2.357.214.661
- Nợ phải trả không phân bổ					487.975.711
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>724.439.501</b>	<b>840.271.990</b>	<b>785.390.847</b>	<b>7.112.323</b>	<b>2.845.190.372</b>

**Khu vực địa lý:**

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ**  
 16A Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.503.085.679	-	7.432.395.167	-	4.503.085.679	7.432.395.167
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.547.631.576	(387.687.612)	4.089.070.219	(392.687.612)	4.159.943.964	3.696.382.607
Đầu tư tài chính ngắn hạn	189.277.537	-	239.005.038	-	189.277.537	239.005.038
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>9.239.994.792</b>	<b>(387.687.612)</b>	<b>11.760.470.424</b>	<b>(392.687.612)</b>	<b>8.852.307.180</b>	<b>11.367.782.812</b>

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	747.086.850	736.391.850	747.086.850	736.391.850
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	152.064.484	323.510.182	152.064.484	323.510.182
Các khoản phải trả khác	391.970.273	193.982.721	391.970.273	193.982.721
<b>Cộng</b>	<b>1.291.121.607</b>	<b>1.253.884.753</b>	<b>1.291.121.607</b>	<b>1.253.884.753</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ**

16A Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****05. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

***Phải thu khách hàng***

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

***Tiền gửi ngân hàng***

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**06. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả cho người bán	747.086.850	-	-	747.086.850
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	152.064.484	-	-	152.064.484
Các khoản phải trả khác	212.770.273	179.200.000	-	391.970.273
<b>Cộng</b>	<b>1.111.921.607</b>	<b>179.200.000</b>	-	<b>1.291.121.607</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	736.391.850	-	-	736.391.850
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	323.510.182	-	-	323.510.182
Các khoản phải trả khác	92.982.721	101.000.000	-	193.982.721
<b>Cộng</b>	<b>1.152.884.753</b>	<b>101.000.000</b>	-	<b>1.253.884.753</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**07. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**08. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

**09. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2015

**Người lập biểu**

**Trưởng phòng Kinh tế tài chính**

**Tổng Giám đốc**

**Đinh Thúy Hoa**

**Nguyễn Huy Cường**



**Đỗ Hiến**